TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS – PT
Ngày: 11/02/2022
V/v "tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS – ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2021/QĐ – PT ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M*, sinh năm 1956; (đã chết)

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M:*

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 194/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977; (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Chị Phạm Thị R, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Anh Phạm Văn M1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị R, anh M1:* Bà Trần Thị P.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phan Thị Hồng H - Văn phòng luật sư H và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn: Ông Phạm Văn K*, sinh năm 1954; (đã chết)

Địa chỉ: Số nhà 103/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Anh Phạm Văn K1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số nhà 103/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1956; (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 66/3 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Phạm Văn K1, sinh năm 1993; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 103/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị P.

- *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn M thể hiện:

Vào khoảng năm 1975, cha ông là ông Phạm Văn K2 có cho vợ chồng ông phần đất diện tích khoảng 3.000 m^2 đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất trên một bên giáp với phần đất ông Phạm Văn K, một bên giáp với phần đất ông Hồ Văn C1, phần còn lại giáp rạch. Vợ chồng ông cất nhà và canh tác trên phần đất này từ năm 1976 đến năm 1988.

Do hoàn cảnh khó khăn nên gia đình ông đi lập nghiệp ở Lâm Đồng, khi đi ông có giao lại phần đất trên cho em ông là ông Phạm Văn K giữ và canh tác phần đất này. Việc giao nhận không có làm giấy tờ và cũng không có người chứng kiến, chỉ trao đổi bằng miệng với nhau.

Khi đo đạc năm 1994 và đo đạc Vlap do ông không có ở tại địa phương nên ông Phạm Văn K đứng ra kê khai và canh tác phần đất này từ năm 1988 đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn K phải giao trả cho ông phần đất có diện tích khoảng 3.000 m^2, thuộc một phần thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất trên thuộc thửa cũ 283, 284, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Sau khi ông M chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M gồm:

Bà Trần Thị P là vợ ông M, có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà P với ông M có 04 người con:

- Phạm Văn Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Phạm Thị R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Phạm Văn M1, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Anh Phạm Văn N (chết lúc 04 tuổi).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M vẫn tiếp tục yêu cầu giải quyết vụ án như ông M khởi kiện.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Phạm Văn K trình bày:

Ông với ông M là anh em ruột. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông cho ông M vào khoảng năm 1976-1977. Việc tặng cho đất các bên không có làm giấy tờ gì, không ai chứng kiến, khi cho đất không có đo đạc, chỉ cho mớ. Sau đó ông M lên liếp trồng dừa, cất nhà ở. Vợ chồng ông M ở đến khoảng năm 1982 thì đi lập nghiệp ở tỉnh Lâm Đồng còn nhà thì bỏ trống, không ai sử dụng. Năm 1992 vợ chồng ông M về kêu bán toàn bộ đất cho ông với giá là 05 chỉ vàng 24k. Việc mua bán đất giữa ông M với ông các bên không có làm giấy tờ, không thông qua Ủy ban xã, không có ai chứng kiến nhưng việc mua bán đất giữa ông M với ông thì các anh, chị em của ông đều biết. Trước khi ông mua đất của ông M thì bà A1 có đến ở trên đất của ông M khoảng 03 năm nên khi ông M bán đất cho ông thì ông M có yêu cầu bà A1 giao trả nhà, đất để ông M giao đất cho ông nhưng ông không đồng ý, ông vẫn cho bà A1 tiếp tục ở. Đến khoảng năm 1995 bà A1 dọn đi nơi khác thì ông sử dụng, cải tạo đất chung với phần đất liền kề của ông thành cái vuông lớn. Quá trình sử dụng ông đã nhiều lần đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Đến năm 2014, ông tiếp tục đăng ký kê khai theo hồ sơ đo đạc Vlap và đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 2. Qua 02 lần ông đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông M không ai ngăn cản hay tranh chấp gì.

Trong thời gian gia đình ông M đi làm ăn xa thì khoảng 04-05 năm ông M mới về địa phương một lần nhưng khi gia đình có đám tiệc thì ông M vẫn về. Trước đây, ông có nhiều lần yêu cầu ông M về trả vàng cho ông thì ông sẽ trả lại đất cho ông M nhưng

ông M không đồng ý. Đến năm 2019, ông M trở về địa phương yêu cầu ông giao trả đất nhưng ông không đồng ý do ông M đã bán đất cho ông rồi.

Ông không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của bà P, anh Đ, chị R, anh M1 do phần đất tranh chấp trước đây ông M và bà P đã bán cho ông rồi. Đối với chi phí cải tạo đất và 01 cái cống thoát nước trên đất tranh chấp thì ông đề nghị giải quyết theo quy định.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc và định giá ngày và định giá ngày 19/10/2020, ngày 21/5/2021, chị không yêu cầu đo đạc hay định giá lại.

Trong vụ án này, ông không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông C nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, ông Phạm Văn C trình bày:

Trước đây ông có một phần đất khoảng 02 công liền kề với phần đất của ông Phạm Văn K2 (cha của ông K, ông M), ông sử dụng một thời gian rồi sau đó chuyển nhượng cho chị T1 với số tiền là 90.000.000 đồng. Khi ông chuyển nhượng cho chị T1 thì ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết đất thuộc thửa nào, tờ bản đồ bao nhiêu, hiện ông không nhớ chuyển nhượng đất cho chị T1 năm nào. Do phần đất này giáp với đất của ông K nên khi đo đạc nhà nước ghi tên ông vào phần đất mà ông M tranh chấp với ông K là không đúng. Ông khẳng định sau khi chuyển nhượng đất cho chị T1 thì ông không còn đất tại khu vực đó. Theo ông biết, đất tranh chấp trước đây là của ông M, ông biết ông M có sử dụng một thời gian thì bỏ đi làm ăn xa. Sau đó, ông thấy ông K sử dụng, ông K cải tạo chung với đất của ông K thành một cái vuông lớn. Còn việc ông M có chuyển nhượng đất cho ông K hay không thì ông không biết. Ông M đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng có về địa phương. Do phần đất mà gia đình ông M tranh chấp với ông K không có liên quan đến ông do nhà nước ghi tên ông đăng ký kê khai một phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 583 tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre là không đúng do ông không có đất tại khu vực đó. Trong vụ án này ông không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông K, bà P và các con của ông M, ông đề nghị giải quyết theo quy định, việc này là do ông tự nguyện. Do ông bận công việc gia đình nên ông đề nghị Tòa án xem xét cho ông vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn K1 trình bày:

Anh là con của ông K, từ trước đến nay ông K là người trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp nhưng thời gian gần đây sức khỏe của ông K rất yếu nên anh có phụ giúp ông K trong việc nuôi trồng thủy sản trên phần đất tranh chấp. Vào khoảng tháng 5 năm 2019, khi anh đi làm về thì anh có nghe ông K kể lại là gia đình ông M có yêu cầu ông K giao trả đất nhưng ông K không đồng ý nên hai bên có nói qua nói lại thì ông K

tức giận nên có nói "Tụi bây muốn làm gì làm". Do ông K thường xuyên uống rượu nên anh không biết ông K còn có nói gì nữa không nên anh có chở ông K đến nhà ông M hỏi rõ đất gì mà lấy thì ông M xúc phạm anh cho rằng anh không biết gì nên không tiếp, anh tức quá có nói sẽ báo Công an thì gia đình ông M nói nói tội gì mà báo Công an và xúc phạm anh nên anh chở ông K về.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS – ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, anh Đ, chị R và anh M1 về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông K với diện tích là 476 m^2 thuộc một phần thửa 41 (vị trí 41A, 41B, 41C) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P, anh Phạm Văn Đ, chị Phạm Thị M1, anh Phạm Văn M1 về việc yêu cầu ông Phạm Văn K giao trả cho bà P, chị R, anh Đ và anh M1 diện tích 2.524m^2 đất thuộc một phần thửa 41 (vị trí 41A, 41B, 41C) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 41 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre kèm theo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2021 bà Trần Thị P kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K giao trả phần đất diện tích 2.524m^2 đất thuộc một phần thửa 41 (vị trí 41A, 41B, 41C) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cho gia đình bà.

Ngày 03/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị, quyết định kháng nghị đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K giao trả giá trị phần đất diện tích 2.524m^2 đất thuộc một phần thửa 41 (vị trí 41A, 41B, 41C) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nhận đất để cất nhà ở vì bà hiện tại không có nhà để ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp các bên đều thừa nhận cha mẹ cho ông M, ông M sử dụng từ năm 1975. Đất đưa vào tập đoàn năm 1982, tập đoàn rã thì ông M vẫn tiếp tục sử dụng. Bị đơn cho rằng nhận chuyển nhượng đất của ông M thì không có chứng cứ gì chứng minh. Bị đơn

cũng trình bày có bà A1 chứng kiến nhưng bà A1 lại trình bày là không có. Kê khai đất lần đầu ông K khai là đất em ruột ông M cho từ năm 1992. Ông M khẳng định không có cho đất ông K, ông M có gặp ông K để lấy lại đất, ông K cũng có ý trả nhưng ông K nói do đất đang thả tôm nên để hết vụ nuôi thì trả nhưng sau đó ông K cũng không trả. Ông K được cấp quyền sử dụng đất nhưng hồ sơ không có quy trình cấp đất lần đầu, không có biên bản xác minh tại địa phương để thể hiện ông M đồng ý cho ông K kê khai cấp lần đầu. Do đó, đất này do ông K tự ý kê khai để được cấp đất lần đầu. Ông M không biết việc ông K kê khai do ở xa. Bà P hiện tại không có đất nào khác để sinh sống nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Văn K chết ngày 16/12/2021, ông K có vợ là bà Ngô Thị Lựu đã ly hôn, có con là Phạm Văn K1. Anh K1 trình bày không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Phạm Văn K1 và cụ Dương Thị Đ1 (cha mẹ của ông M và ông K) cho vợ chồng ông M vào khoảng năm 1976 – 1977. Vợ chồng ông M sử dụng một thời gian khoảng 10 năm thì đi lập nghiệp ở Lâm Đồng. Theo nguyên đơn, trong thời gian vợ chồng ông M đi lập nghiệp thì có cho các chị em của ông M như bà Phạm Thị C2, bà Phạm Thị A1, bà Phạm Thị G vào ở. Các bà này ở một thời gian thì bỏ đất hoang, ông K đã vào chiếm hữu sử dụng cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu ông K trả đất. Theo bị đơn, ông K đã nhận chuyển nhượng đất của ông M với giá 05 chỉ vàng 24k nên không đồng ý yêu cầu của ông M. Theo xác minh đối với các anh chị em ruột của ông M và ông K, đều không xác định được phần đất này ông M có chuyển nhượng cho ông K hay không.

[2] Về đăng ký kê khai và cấp quyền sử dụng đất:

Năm 1994, ông Phạm Văn K được cấp quyền sử dụng đất lần đầu. Năm 2014, ông K được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông K không có chứng

cứ chứng minh đã nhận chuyển nhượng đất vào năm 1992, ông M cũng không thừa nhận. Các bên đều thống nhất trình bày là vợ chồng ông M có sử dụng đất tranh chấp cất nhà và trồng cây lâu năm. Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất ông K trình bày được ông M cho năm 1992 nhưng ông M không thừa nhận. Do đó, việc ông K tự đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất khi ông M không có ở địa phương là không đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, hiện nay bà P không có nơi ở nên cần thiết giao đất cho bà P sinh sống. Quá trình sử dụng đất ông K cũng có công sức giữ gìn, cải tạo đất trong thời gian dài nên buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K giao trả một phần đất thuộc một phần thửa 41, ký hiệu 41A diện tích 1.293,6 m^2 cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M để vợ con ông M có điều kiện sinh sống ổn định là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu án phí 300.000 đồng.

[4] Kháng cáo được chấp nhận một phần và bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị P.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS – ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 166, 170, 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn M là bà Trần Thị P, anh Phạm Văn Đ, chị Phạm Thị R và anh Phạm Văn M1 về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn K với diện tích

là 476m^2 thuộc một phần thửa 41 (vị trí 41A, 41B, 41C) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K là anh Phạm Văn K1 giao trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn M là bà Trần Thị P, chị Phạm Thị R, anh Phạm Văn Đ và anh Phạm Văn M1 diện tích 1.293,6 m^2 đất thuộc một phần thửa 41 (ký hiệu 41A) tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 41 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tọa lạc ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre kèm theo.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị P, chị Phạm Thị R, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn M1 phải liên đới nộp là 5.092.000 đồng và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị P được miễn án phí.

- Chị Phạm Thị R, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn M1 phải liên đới nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Anh Phạm Văn K1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng